ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2941 /QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17/6/2003, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Biên phòng Việt Nam ngày 11/11/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14/6/2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023 và Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 và Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh Sơn La về việc lập quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại Tờ trình số 4124/TTr-BCH ngày 05/11/2026, Báo cáo số 4359/BC-BCH ngày 19/11/2026, kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 1293/BC-SXD ngày 03/11/2026 và kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 770/BC-VPUB ngày 16/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

1.1. Quy mô lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch thuộc bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương. Quy mô lập lập quy hoạch chi tiết là 19,32 ha.

1.2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch thuộc bản Chiềng Khương, xã Chiềng Khương có vị trí ranh giới như sau:

+ Phía Bắc giáp suối Nậm Lệ, khu dân cư;

+ Phía Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

+ Phía Tây giáp sông Mã;

+ Phía Đông giáp khu dân cư, đất nông nghiệp.

1.3. Thời hạn quy hoạch: 20 năm.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, phù hợp với định hướng quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam – Lào, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung xã Chiềng Khương và các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan.

- Phát triển cửa khẩu chính Chiềng Khương trở thành khu vực cửa ngõ giao

thương, thương mại, dịch vụ biên giới với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại. Khai thác tiềm năng lợi thế vùng phía Tây Nam của tỉnh Sơn La, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế vùng biên giới, phát triển du lịch, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

- Là cửa khẩu chính, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, là một trong những động lực phát triển của tỉnh Sơn La.

- Là đầu mối giao thương của tỉnh Sơn La, vùng Tây Bắc với các nước Lào, Myanmar, Thái Lan; điểm trung chuyển hàng hoá, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào.

- Là đầu mối giao thông, điểm lưu thông, vận chuyển hàng hoá quan trọng trên tuyến Quốc lộ 4G.

- Là trung tâm thương mại cửa khẩu, kinh doanh hàng hoá miễn thuế và trưng bày giới thiệu hàng hoá, đáp ứng nhu cầu xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hoá và là điểm du lịch, mua sắm.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo đất đai

Diện tích khu vực quy hoạch cửa khẩu khoảng 19,32ha.

4.2. Các chỉ tiêu hạ tầng

Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu khác có liên quan *(Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành).*

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

5.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội

- Phân tích, đánh giá các đặc điểm tự nhiên về địa hình, khí hậu, thủy văn, địa chất,… của khu vực lập quy hoạch và các khu vực phụ cận có ảnh hưởng đến định hướng phát triển cửa khẩu. Đánh giá những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, ngập úng, lũ ống, lũ quét có thể xảy ra làm cơ sở đề xuất các giải pháp quy hoạch để ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Đánh giá hiện trạng dân số, hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của khu vực lập quy hoạch. Đánh giá hiện trạng mạng viễn thông, tuyến cáp quang, trạm thu phát sóng di động và chất lượng phủ sóng trong phạm vi lập quy hoạch.

- Đánh giá hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai: Thống kê hiện trạng sử dụng đất khu vực lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng đất và các vấn đề tồn tại về sử dụng đất, cảnh quan không gian cần giải quyết để đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Rà soát, đánh giá tình hình triển khai các chương trình, dự án đầu tư phát triển tại khu vực lập quy hoạch *(làm rõ kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; các nội dung chưa phù hợp, cần điều chỉnh,...)*.

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, đề xuất các nội dung trọng tâm cần nghiên cứu, các vấn đề tồn tại cần giải quyết trong giai đoạn mới.

***5.2. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn*:** Đánh giá sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được ban hành *(nếu có)*; nêu các yêu cầu, định hướng chính tại quy hoạch chung và phương án, giải pháp chủ yếu tại quy hoạch phân khu *(nếu có)* đã được phê duyệt kèm theo quy định quản lý đã được ban hành liên quan đến phạm vi quy hoạch.

***5.3. Dự báo phát* triển:** Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho toàn khu vực lập quy hoạch; xác định quy mô dân số, đất đai, các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với phạm vi quy hoạch.

5.4. Định hướng phát triển không gian, thiết kế đô thị

- Xác định yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch và yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô đất *(chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác)*; tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong phạm vi quy hoạch; xác định vị trí, quy mô các công trình, khu vực đặc trưng cần kiểm soát và các nội dung quy định để kiểm soát thực hiện theo quy hoạch.

- Xác định các công trình điểm nhấn trong phạm vi quy hoạch theo các hướng tầm nhìn, tầng cao xây dựng công trình cho từng lô đất và cho toàn khu vực; khoảng lùi của công trình trên từng đường phố và ngã phố; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước.

- Xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm như: Các công trình công cộng ngầm, các công trình nhà cao tầng dự kiến xây dựng tầng hầm có chức năng công cộng *(nếu có)*.

5.5. Định hướng sử dụng đất quy hoạch: Xác định chức năng sử dụng đất, quy mô diện tích, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất trong phạm vi quy hoạch; chỉ giới xây dựng công trình đối với từng lô đất và trên các trục đường từ cấp nội bộ trở lên; xác định khu vực xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công vụ *(nếu có)*.

5.6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu phát triển, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, hạ tầng viễn thông thụ động và các hạ tầng kỹ thuật khác; cụ thể:

a) Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý; đảm bảo an toàn về phòng, chống ngập, lụt, các hiểm họa thiên tai…nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng do cấu tạo về địa chất, địa hình, thiên tai hoặc liên quan đến các di tích lịch sử, văn hóa, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

b) Về giao thông: Định hướng phát triển, tổ chức mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, giao thông nội bộ khu vực cửa khẩu chính bảo đảm kết nối đồng bộ; phân loại, phân cấp các tuyến đường và đề xuất giải pháp thiết kế; xác định vị trí, quy mô và số lượng các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính trong phạm vi quy hoạch và hệ thống hào, tuy nen kỹ thuật. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

c) Về hệ thống cấp điện, cung cấp năng lượng, chiếu sáng: Xác định nguồn điện, chỉ tiêu và dự kiến nhu cầu sử dụng điện, giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện. Xác định chỉ tiêu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình, tính toán nhu cầu sử dụng điện năng cho chiếu sáng, đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn, lưới điện, nguồn sáng, các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng của khu quy hoạch. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

d) Về cấp nước: Xác định nguồn nước, tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước trong sản xuất, trong sinh hoạt; dự kiến nguồn cấp, công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước, cấp nước chữa cháy và các thông số kỹ thuật đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

đ) Về thoát nước và xử lý nước thải: Xác định tiêu chuẩn và dự báo khối lượng thoát nước thải; định hướng hệ thống thu gom, thoát nước mặt, thu gom và xử lý nước thải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp độ cao hơn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý nước thải. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

e) Về quản lý chất thải: Dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các loại chất thải rắn; đề xuất phương án thu gom, lưu giữ, phân loại, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất, xây dựng và các ngành dịch vụ. Định hướng quy hoạch các điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn,...phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý chất thải rắn theo phương án xử lý

chất thải rắn. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

g) Về hạ tầng viễn thông thụ động: Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan. Xác định khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí.

h) Về các hạ tầng kỹ thuật khác:

- Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: Định hướng phát triển hệ thống giao thông, cấp nước, tuyến thông tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy,…phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan.

- Về hạ tầng kỹ thuật khác: Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác *(kho, bến bãi,...)* bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa và phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

5.7. Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư: Xác định rõ các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn. Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện *(làm rõ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, nguồn vốn khác…)*.

5.8. Đề xuất giải pháp thực hiện quy **hoạch:** Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch bảo đảm việc thực hiện quy hoạch hiệu quả.

5.9. Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường: Đánh giá hiện trạng môi trường, đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường trong quy hoạch chi tiết. Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Nghiên cứu tích hợp với kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, đưa ra các giải pháp môi trường, các khuyến cáo sử dụng đất, cơ chế chính sách, nguồn lực, nhằm giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp thiên tai hoặc biến đổi môi trường lớn xảy ra.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch:

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 19, Phụ lục I và Phụ lục II của Thông tư số 16/2025/TT-BXD *(được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 43/2025/TT-BXD)*.

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử gồm dữ liệu gốc, bản quét hồ sơ pháp lý và cơ sở dữ liệu địa lý (GIS).

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

7.1. Yêu cầu về nội dung: Lấy ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước trong đồ án quy hoạch *(nếu có)* phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

7.2. Về đối tượng, hình thức, thời gian lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 *(được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15)* và các quy định có liên quan của pháp luật về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh *(cơ quan tổ chức lập quy hoạch)*:

- Tổ chức lập đồ án Quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng tổ chức thẩm định đồ án Quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La bảo đảm các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

4. Các sở, ban, ngành và UBND xã Chiềng Khương theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND xã Chiềng Khương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP, NC, THKT);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Tuấn.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến